

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN NĂM CĂN  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2022/HNGĐ-ST  
Ngày 16-8-2022  
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Quốc Kiên;

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Duy Tân.

Ông Vũ Xuân Chính.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Thành Công – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn.

Ngày 16 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 208/2021/TLST - HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2022 về “tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 83/2022/QĐXXST – HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ông Trần Văn C, sinh năm 1967 (có mặt).

Địa chỉ: ấp LĐ, xã TG, huyện NC, tỉnh Cà Mau;

**- Bị đơn:** Bà Mạch Hồng C1, sinh năm 1973 (có mặt).

Địa chỉ: ấp LĐ, xã TG, huyện NC, tỉnh Cà Mau;

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*- Tại đơn khởi kiện ngày 22/7/2022, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Trần Văn C trình bày:*

Về hôn nhân: Ông và bà C1 tự nguyện kết hôn năm 1993 và đến nay không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống thời gian đầu rất hạnh phúc và thời gian gần đây vợ chồng không còn tôn trọng, không quan tâm cho nhau, không còn tin tưởng nhau nên đã thỏa thuận phân chia tài sản chung xong. Nay ông xác định mâu thuẫn trầm trọng, không thể kéo dài mối quan hệ hôn nhân nên yêu cầu ly hôn với bà Mạch Hồng C1.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên Trần Văn V, sinh năm 1995 và Trần Quốc M, sinh năm 1998. Các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung và công nợ: Tự thỏa thuận phân chia không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn bà Mạch Hồng C1 trình bày:*

Về hôn nhân: Bà và ông C tự nguyện kết hôn năm 1993 và đến nay không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống bà và ông C nhận thấy không có tình cảm nên thuận tình ly hôn nhau và đã tự nguyện phân chia tài sản và công nợ xong. Nay bà đồng ý ly hôn với ông C.

Về con chung: Có 02 con chung như ông C trình bày là đúng; Các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung và công nợ: Tự thỏa thuận phân chia không yêu cầu Tòa án giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về hôn nhân: Quá trình giải quyết vụ án ông C và bà C1 trình bày phù hợp nhau là tự nguyện kết hôn năm 1993 theo phong tục tập quán, có tổ chức lễ cưới và đến nay không có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền. Ông bà chung sống đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nên nay ông bà xác định mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không còn đạt được nên thuận tình ly hôn cần được công nhận. Tuy nhiên, ông bà tổ chức đám cưới, chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1993 cho đến nay không có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền là vi phạm quy định về việc đăng ký kết hôn. Tại khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *"Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này..."*, đối chiếu điều luật viện dẫn, Hội đồng xét xử không xem xét yêu cầu ly hôn của ông C, mà cần tuyên bố quan hệ hôn nhân giữa ông C và bà C1 không được pháp luật công nhận vợ chồng là có căn cứ.

[2] Quá trình chung sống ông bà có 02 con chung tên Trần Văn V, sinh năm 1995 và Trần Quốc M, sinh năm 1998. Hai con đã trên 18 tuổi nên ông bà không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Do đó, không đặt ra xem xét, giải quyết là có căn cứ.

[3] Về tài sản chung và nợ chung ông bà xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét.

[4] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm ông C phải chịu theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa ông Trần Văn C và bà Mạch Hồng C1 là vợ chồng.

2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung không đặt ra xem xét, giải quyết.

3. Án phí hôn nhân gia đình ông C phải chịu 300.000 đồng, ông dự nộp 300.000 đồng tại biên lai số 0015688 ngày 22/7/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Năm Căn nay được chuyển thu, ông C đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Năm Căn;
- CCTHADS huyện Năm Căn;
- Đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
(Đã ký)

**Trần Quốc Kiên**